TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 11-6-2019
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Quang Liêu và ông Nguyễn Mạnh Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Nguyễn Mạnh Hùng – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* ông Dương Thế Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 480/2018/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018, về việc tranh chấp " Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 480/2019/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: chị Hoàng Thị Tiến L, sinh năm: 1978
Địa chỉ: thôn 8, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.
- Bị đơn: anh Nguyễn Minh T, sinh năm: 1978
Địa chỉ: thôn 8, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.
(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hoàng Thị Tiến L trình bày: Chị và Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước ngày 14 tháng 6 năm 2012. Thời gian đầu chị và anh T chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị và anh T không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm sóc gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã, đánh đập, xô xát

lẫn nhau. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh T, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Minh T có 01 người con chung, họ tên là Nguyễn Trọng M, sinh ngày 20/4/2011. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu M số tiền 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu M thành niên.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

-*Bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày*: Anh và chị L tự nguyện chung sống từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước vào năm 2012. Anh và chị L chung sống hạnh phúc bình thường. Anh thừa nhận anh có thường hay đi nhậu, uống rượu cùng bạn bè, anh và chị L có xảy ra cải vã, xô xát. Anh và chị L không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau trong thời gian khoảng 02 năm nay (từ năm 2017 cho đến nay). Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý nhưng với điều kiện chị L phải trả công sức đóng góp cho anh trong thời gian 12 năm, mỗi năm là 50.000.000đ, tổng là 600.000.000đ.

Về con chung: Anh và chị L có 01 người con chung, họ tên là Nguyễn Trọng M, sinh ngày 20/4/2011. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao cháu M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng nhưng với điều kiện chị L phải trả công sức đóng góp cho anh trong thời gian 12 năm, mỗi năm là 50.000.000đ, tổng là 600.000.000đ.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

- Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng M sinh ngày 20/4/2011 cho chị Hoàng Thị Tiến L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản: không yêu cầu nên không xem xét. Về nợ: Không có. Về cấp dưỡng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trọng M số tiền 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu M thành niên đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: chị Hoàng Thị Tiến L và anh Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước ngày 14 tháng 6 năm

2012. Giữa chị L và anh T có đăng ký kết hôn hợp pháp. Hiện nay, chị L và anh T đều đang cư trú tại xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa chị L và anh T là tranh chấp về hôn nhân gia đình. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị Tiến L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh T:

Chị Hoàng Thị Tiến L và anh Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống năm 2007 và đăng ký kết hôn vào ngày 14/6/2012 tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian chung sống khoảng năm 2017 thì giữa chị L và anh T có xảy ra mâu thuẫn, anh T thường uống rượu, giữa chị L và anh T thường xảy ra cải vã làm mất tình cảm vợ chồng, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ. Phía bị đơn anh Nguyễn Minh T cũng thừa nhận giữa anh và chị L có xảy ra cải vã, anh cũng thường hay đi uống rượu, từ năm 2017 đến nay thì vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, chị L yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý nhưng với điều kiện chị L phải trả công sức đóg góp cho anh trong thời gian 12 năm. Phía nguyên đơn chị L không đồng ý tính công sức đóng góp theo yêu cầu của anh T. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh anh T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng thể hiện qua việc giữa anh chị không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Anh T và chị L có 01 người con chung, họ tên là Nguyễn Trọng M, sinh ngày 20/4/2011. Sau khi ly hôn nguyên đơn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mên, bị đơn anh T đồng ý nhưng với điều kiện chị L phải trả công sức đóng góp cho anh trong thời gian 12 năm, mỗi năm là 50.000.000đ, tổng là 600.000.000đ. Xét thấy, theo biên bản lời khai của cháu M thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là chị L, mặt khác hiện nay cháu M còn nhỏ cần có sự chăm sóc chu đáo của người mẹ nên cần giao cháu M cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4]Về cấp dưỡng: Xét yêu cầu của chị L yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trọng M số tiền 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu M thành niên đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, việc cấp dưỡng cho con chưa thành niên là nghĩa vụ của bậc làm cha làm cha làm mẹ để giành cho con những gì tốt đẹp nhất. Thông qua việc cấp dưỡng cho con sẽ tạo điều kiện sự gắn kết cũng cố tình cảm giữa cha mẹ và con cái, theo quy định tại khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Mặt khác, anh T có nghề nghiệp là thợ xây có thu nhập. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn chị L buộc bị đơn

anh T phải cấp dưỡng cho con chưa thành niên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho trẻ nên cần chấp nhận. Cần buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trọng M số tiền 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu M thành niên.

[5]Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[6]Về nợ: Không có. Không yêu cầu nên không xem xét.

[7]Đối với yêu cầu của bị đơn anh Nguyễn Minh T yêu cầu chị Hoàng Thị Tiến L phải trả công sức đóng góp cho anh trong thời gian 12 năm là 600.000.000đ, xét thấy trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng đã ban hành thông báo số 58/2019/TB-CCCC, ngày 25/4/2019 yêu cầu anh T nếu có yêu cầu chị L trả công sức đóng góp cho anh thì anh làm văn bản phản tố yêu cầu tính công sức đóp góp gửi đến Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng nhưng bị đơn anh T không nộp văn bản phản tố theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Căn cứ khoản 6 Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự thì anh T có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Tiến L. Chị Hoàng Thị Tiến L được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng M, sinh ngày 20/4/2011 cho chị Hoàng Thị Tiến L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Minh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Trọng M sinh ngày 20/4/2011 số tiền mỗi tháng là 1.000.000đ cho

đến khi cháu M thành niên đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án (11/6/2019).

4.Về tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét.

5.Về nợ: Không có.

6. Về án phí: Chị Hoàng Thị Tiến L phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo Biên lai số 0022492 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Minh T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà